TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TỈNH VĨNH LONG	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 26 - 02 - 2025
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tư
Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Kiên

2. Ông Huỳnh Tuấn Cường

***- Thư ký phiên tòa*:** ông Trần Kiến Toàn – Thẩm tra viên Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa*:** Ông Phan Thanh Hào - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2024/TLST - HNGĐ, ngày 13 tháng 3 năm 2024 về "xin ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 10/2025/QĐXX-ST ngày 04 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2025/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lâm Thị Ái N, sinh năm 1989. Nơi cư trú: ấp K, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. (Vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Chai Yee T, sinh năm 1976. Nơi cư trú: N Lorong Bukit U Taman Bukit Ubi J K. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 25/4/2024, nguyên đơn Lâm Thị Ái N trình bày:* Bà và ông Chai Yee T kết hôn năm 2016, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền của Malaysia. Sau khi kết hôn bà sang Malaysia sinh sống cùng ông Chai Yee T. Đến khoảng năm 2023 bà về Việt Nam sinh sống tại ấp K, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, còn ông Chai Yee T thì sống tại N Lorong Bukit U Taman Bukit Ubi J K. Do bất đồng quan điểm sống, văn hóa và không có thời gian sống cùng nhau, nhận thấy đời sống hôn nhân vợ chồng không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không thể đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Chai Yee T.

- Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

** Đối với bị đơn ông Chai Yee T*: Ngày 20/03/2024 Tòa án có Công văn số 48/TTTPDS-TA61 về việc tương trợ tư pháp với nội dung: Ủy thác cho Cơ quan có thẩm quyền của Malaysia thực hiện tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông Chai Yee T. Ngày 15/11/2024 Tòa án đã nhận được kết quả ủy thác tư pháp, theo công văn số 3126/BTP-PLQT ngày 22/10/2024 của Bộ Tư pháp về việc kết quả ủy thác tư pháp thì Cơ quan có thẩm quyền của Malaysia không thực hiện được ủy thác tư pháp do không có người nhận tại địa chỉ được yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đến khi giải quyết vụ án, đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ái N; cho bà Ái N được ly hôn với ông Chai Yee T; Về con chung, tài sản chung, nợ chung: không có nên không xem xét; bà Ái N phải chịu án phí 300.000 đồng và chi phí tố tụng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Quan hệ hôn nhân giữa bà Ái N và ông C Yee Thian là quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài được quy định tại Điều 126 của Luật hôn nhân và gia đình của Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 127 Luật Hôn nhân gia đình của Nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thì việc ly hôn giữa công dân Việt Nam với đương sự là người nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án Việt Nam.

Nguyên đơn Lâm Thị Ái N có đơn xin vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn Chai Yee T: Ngày 20/03/2024 Tòa án có Công văn số 48/TTTPDS-TA61 về việc tương trợ tư pháp với nội dung: Ủy thác cho Cơ quan có thẩm quyền của Malaysia thực hiện tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông Chai Yee T. Ngày 15/11/2024 Tòa án đã nhận được kết quả ủy thác tư pháp, theo công văn số 3126/BTP-PLQT ngày 22/10/2024 của Bộ Tư pháp về việc kết quả ủy thác tư pháp thì Cơ quan có thẩm quyền của Malaysia không thực hiện được ủy thác tư pháp do không có người nhận tại địa chỉ được yêu cầu.

Ngày 11/12/2024 Tòa án có công văn số 09/TAT- GĐ&NCTN gửi Ban đối ngoại - Đ đề nghị đăng tin thông báo cho bị đơn C1 03 lần trong 03 ngày liên tiếp

nội dung thông báo cho ông C Yee Thian đến Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long dự phiên tòa xét xử vụ án sẽ được mở vào ngày 16/12/2024, nếu ông Chai Y Thian vắng mặt Tòa án sẽ mở lại phiên tòa vào ngày 30/12/2024 nhưng đến nay Tòa án vẫn chưa nhận được văn bản trả lời của ông Chai Yee T và ông Chai Yee T cũng không có mặt tại phiên xét xử vụ án. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 6 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu xin ly hôn, không yêu cầu giải quyết con chung; không yêu cầu giải quyết tài sản chung, nợ chung của bà Ái N, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về hôn nhân: Nhận thấy bà Ái N và ông Chai Y Thian kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền của Malaysia vào năm 2016 nhưng chưa thực hiện việc ghi chú kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam theo quy định tại Điều 48 và Điều 50 của Luật Hộ tịch năm 2014 và theo hướng dẫn tại khoản 1 Điều 34 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều về biện pháp thi hành luật hộ tịch. Như vậy, căn cứ khoản 1 Điều 9 và Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì quan hệ giữa bà Ái N và ông C Yee Thian không được công nhận là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: không có nên Tòa không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: không có, nên Tòa không xem xét giải quyết.

[3] Về chi phí tố tụng và án phí: bà Lâm Thị Ái N phải chịu chi phí tố tụng và án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 9, 14, 53, 127 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 2 Điều 227, điểm d khoản 1 Điều 469, khoản 6 Điều 477, Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị Ái N.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Lâm Thị Ái N và ông Chai Yee T là vợ chồng.

Về con chung: không có, không yêu cầu nên Tòa không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu nên Tòa không xem xét giải quyết.

2. Về án phí và chi phí tố tụng: Áp dụng khoản 4 Điều 147, Điều 153 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về án phí: bà Lâm Thị Ái N phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0014955 ngày 12 tháng 03 năm 2024 của Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long, bà Lâm Thị Ái N đã nộp đủ.

Về chi phí tố tụng: bà Lâm Thị Ái N phải chịu chi phí ủy thác tư pháp là 200.000đồng (Hai trăm ngàn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng chi phí ủy thác tư pháp là 200.000đồng (Hai trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0014966 ngày 22 tháng 03 năm 2024 của Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long, bà Lâm Thị Ái N đã nộp đủ.

Bà Lâm Thị Ái N phải chịu chi phí đăng tin thông báo là 2.750.000đồng (Hai triệu bảy trăm năm chục ngàn đồng), bà Lâm Thị Ái N đã nộp xong.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn, báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 12 tháng kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TANDCC: 01;
- VKSNDTVL: 02;
- CQTHADSTVL: 01;
- Đ/s: 02;
- UBND xã L M: 01;
- Lưu văn phòng: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 06.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

đã ký

Nguyễn Thị Tư